

QUYẾT ĐỊNH

**Tạm giao biên chế công chức, viên chức
(số lượng người làm việc) và chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2023
đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kết luận số 562-KL/BCSD ngày 22/12/2022 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh kết luận cuộc họp Ban Cán sự đảng UBND tỉnh ngày 13/12/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 240/TTr-SNV ngày 17/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giao biên chế công chức, viên chức (số lượng người làm việc) và chỉ tiêu lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023, như sau:

1. Biên chế công chức: **184** biên chế, trong đó:
 - a) Khối Văn phòng Sở: **62** biên chế.
 - b) Chi cục Thủy lợi: **15** biên chế.
 - c) Chi cục Chăn nuôi và Thú y: **15** biên chế.
 - d) Chi cục Kiểm lâm: **92** biên chế, trong đó:



- Văn phòng Chi cục Kiểm lâm: **26** biên chế.
- Đội Kiểm lâm cơ động và phòng, chống chữa cháy rừng: **09** biên chế.
- Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú: **11** biên chế.
- Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đăng: **11** biên chế.
- Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp: **10** biên chế.
- Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh: **10** biên chế.
- Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bù Gia Mập - Phước Long: **15** biên chế.

2. Biên chế viên chức (*số lượng người làm việc*): **91** biên chế (*người*), trong đó:

a) Biên chế viên chức (*số lượng người làm việc*) hưởng lương từ Ngân sách nhà nước: **69** biên chế (*người*).

b) Biên chế viên chức (*số lượng người làm việc*) hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị: **22** biên chế (*người*).

(*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

3. Chỉ tiêu lao động hợp đồng là: **34** chỉ tiêu, trong đó:

a) Trong cơ quan hành chính: **25** chỉ tiêu.

b) Trong đơn vị sự nghiệp công lập: **09** chỉ tiêu.

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định giao biên chế công chức, viên chức (*số lượng người làm việc*) và chỉ tiêu lao động hợp đồng đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc (*nếu có*); thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý biên chế công chức, viên chức (*số lượng người làm việc*) và chỉ tiêu lao động hợp đồng theo đúng số lượng đã được UBND tỉnh giao.

2. Giao Sở Nội vụ quản lý việc sử dụng biên chế công chức, viên chức (*số lượng người làm việc*) và chỉ tiêu lao động hợp đồng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đúng số lượng đã được UBND tỉnh giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT, (TBC).



Trần Tuệ Hiền

PHỤ LỤC

Biên chế viên chức (số lượng người làm việc)
trong các cơ quan, đơn vị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(Kèm theo Quyết định số ~~284~~ **284**/QĐ-UBND ngày ~~27~~ **27**/02/2023 của UBND tỉnh)

| STT | Cơ quan, đơn vị | Biên chế tạm giao năm 2023 | | | Ghi chú |
|-------------|-----------------------------------|---|---------------------------------|---|---------|
| | | Tổng biên chế viên chức (số lượng người làm việc) | Số biên chế hưởng lương từ NSNN | Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSN | |
| TỔNG | | 91 | 69 | 22 | |
| 1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp | 36 | 32 | 4 | |
| 2 | Chi cục Chăn nuôi Thú y | 16 | 0 | 16 | |
| 3 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp | 15 | 15 | 0 | |
| 4 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai | 24 | 22 | 2 | |

